

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 5 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Duy Cần;

2. Bà Phạm Thị Loan.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký  
Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXX-ST ngày 25/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1984

Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng anh Đ. Ly hôn Chị T đề nghị giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị nhận

cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.250.000 đồng/con/tháng; hai con là 2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai anh Đỗ Văn Đ trình bày:* Anh xác nhận lời trình bày của Chị T về thời gian hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, lúc nóng giận anh Đ có đánh Chị T, Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì anh Đ đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng anh Đ. Ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung còn Chị T cấp dưỡng nuôi con như thế nào thì anh cũng nhất trí. Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Đỗ Văn Minh Q trình bày:* Cháu Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013 là con đẻ của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ. Hiện cháu Q đang học lớp 4C trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị T, anh Đ ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng ở cùng anh Đỗ Văn Đ.

- *Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Đỗ Thị M trình bày:* Cháu Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 là con đẻ của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ. Hiện cháu M đang học lớp 11A14 trường Trung học phổ thông Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị T, anh Đ ly hôn thì cháu M có nguyện vọng ở cùng anh Đỗ Văn Đ.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn A, cán bộ tư pháp xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 09/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị T, anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do Chị T, anh Đ không thông cảm cho nhau trong cuộc sống gia đình, cơ sở thôn đã đến hòa giải nhưng không thành. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị sinh sống từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung hiện đang ở cùng anh Đ, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và

án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/9/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay không hồi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh Đ cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ có 02 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013. Ly hôn Chị T, anh Đ đều đề nghị giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, Chị T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.250.000 đồng/con/tháng; hai con là 2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu M, cháu Q cũng có nguyện vọng được ở cùng anh Đ. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh Đ là chính đáng, anh Đ có công việc, thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân anh Đ vẫn chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chu đáo. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho anh Đỗ Văn Đ trực tiếp nuôi 02 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013; Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.250.000 đồng/con/tháng; hai con là

2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn Đ trực tiếp nuôi 02 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Văn Minh Q, sinh ngày 09/4/2013; Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.250.000 đồng/con/tháng; hai con là 2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004939 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Đỗ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Doanh**